TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **25**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 14-3-2023
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚCCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Hưng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Chi

Bà Lê Thị Điền

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy Tiên – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa*:** Bà Vũ Thị Hồng Uyên - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 183/2022/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2022 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Hoàng V, sinh năm 1968.
Địa chỉ: Số A, khu phố B, phường D, thành phố H, tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: Bà LY F, sinh năm 1966.
Địa chỉ: New Zealand.

Người đại diện theo ủy quyền nộp, nhận văn bản tố tụng của bị đơn: Ông Trần Quốc B, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Số A, đường B, phường C, thành phố H, tỉnh Đồng Nai (Văn bản ủy quyền ngày 18/3/2022).

(Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn ông Trần Hoàng V trình bày*:

- Về quan hệ hôn nhân: Năm 2019, ông và bà Ly F quen biết nhau qua giới thiệu của người thân. Sau thời gian ngắn tìm hiểu thì tiến tới hôn nhân nên đã đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 102/2019 ngày 15/3/2019. Sau khi đăng ký kết hôn được một tháng thì bà Ly F trở về New Zealand làm việc và sinh sống, còn ông vẫn ở Việt Nam. Thời gian đầu ông và bà Ly F thường xuyên liên lạc qua điện thoại và cũng quan tâm lo lắng nhau như bao cặp vợ chồng khác dù ở hai nơi cách xa. Tuy nhiên, thời gian sau đó căn bệnh tim của ông lại tái phát phải nhập viện để phẫu thuật và trãi qua một quá trình điều trị dài hạn, sức khỏe bị suy yếu nhiều. Tuy đã là vợ chồng nhưng do hoàn cảnh sống ở cách nhau quá xa, nên dù có muốn quan tâm chăm sóc nhau cũng không thể thực hiện được. Tính đến nay kết hôn đã hơn ba năm nhưng cuộc sống chung thực sự như vợ chồng chỉ được một tháng đầu. Có lẽ vì vậy mà tình cảm vợ chồng ông không những chẳng tiến triển mà còn lạnh nhạt theo thời gian. Quá trình trò chuyện và thực tế sống trong hôn nhân vợ chồng nhận thấy nhiều sự khác biệt từ văn hóa lẫn lối sống nên không có được tiếng nói chung, ông không cảm thấy hạnh phúc trong hôn nhân.

Mục đích hôn nhân không đạt được, ông xác định không còn tình cảm vợ chồng với bà Ly F, đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn.

- Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

** Tại Đơn trình bày ý kiến được Đại sứ quán Việt Nam tại New Zealand chứng thực, bị đơn bà Ly F trình bày:*

Năm 2019, bà và ông Trần Hoàng V quen biết và tìm hiểu nhau qua giới thiệu của người thân khi bà ở Việt Nam. Sau đó thì tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 102/2019 ngày 15/3/2019. Sau kết hôn bà ở lại Việt Nam khoảng một tháng thì trở về New Zealand. Thời gian đầu còn liên lạc với ông V qua điện thoại. Sau đó do khác biệt về văn hóa và hoàn cảnh sống và xa cách về địa lý, cả hai có nhiều suy nghĩ khác nhau về quan niệm sống, dẫn đến bất đồng và không còn quan tâm đến nhau. Ông V xin ly hôn bà đồng ý. Bà và ông V không có con chung, tài sản chung và nợ chung.

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai:*

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử tại phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa và Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định

của pháp luật. Nguyên đơn và bị đơn thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định.

- Về việc giải quyết vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Hoàng V và bà Ly F tự nguyện tìm hiểu, chung sống và có đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận bảo vệ.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một tháng đầu, sau đó bà Ly F trở về New Zeland sinh sống và làm việc, còn ông V vẫn ở tại Việt Nam. Thời gian đầu cả hai vẫn còn liên lạc qua điện thoại, lâu dần vì xa cách về mặt địa lý, hai vợ chồng không sống chung dẫn đến nảy sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng về quan điểm sống. Ông V bệnh tim sau khi điều trị sức khỏe yếu không thể qua New Zeland để chung sống cùng bà Ly F được. Bà Ly F làm việc và sinh sống ổn định tại New Zeland, không có ý định về Việt Nam chung sống với ông V. Mặc dù kết hôn đã 03 năm nhưng thời gian chung sống chỉ được một tháng, còn lại mỗi người có cuộc sống riêng của mình, không quan tâm đến nhau. Cả hai không còn tình cảm vợ chồng, khả năng đoàn tụ là không có, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông V.

+ Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Các bên trình bày trình bày không có, không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

+ Về án phí: Ông V phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Ông Trần Hoàng V khởi kiện xin ly hôn bà Ly F, bà Ly F có quốc tịch New Zealand và hiện đang sinh sống tại New Zealand nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a và điểm c khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 123, 124 và 127 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[1.2] Ông Trần Hoàng V và bà Ly F có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Hoàng V và bà Ly F xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 102/2019 ngày 15/3/2019, là hôn nhân hợp pháp nên ông V được quyền xin ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 51 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Ông Trần Hoàng V và bà Ly F cùng có lời khai xác định sau khi kết hôn chỉ chung sống với nhau khoảng một tháng, sau đó thì bà Ly F về New Zeland làm việc và sinh sống. Do có sự khác biệt về văn hóa, hoàn cảnh sống nên xảy ra bất đồng quan điểm sống. Đồng thời, do xa cách về địa lý nên cả hai người không còn chung sống và thực hiện nghĩa vụ chung của vợ chồng đã hơn hai năm, không còn quan tâm đến nhau, bà Ly F cũng đồng ý ly hôn. Do vậy, đủ cơ sở xác định hôn nhân giữa ông Trần Hoàng V và bà Ly F đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn ông Trần Hoàng V, cho ly hôn giữa ông Trần Hoàng V và bà Ly F.

[2.2] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Ông Trần Hoàng V và bà Ly F trình bày không có, không có yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[3] Về án phí: Ông Trần Hoàng V phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nênđược chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28,35, 37, 147, 227, 228, 238, 469, 470 và 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 51, 56, 123, 124 và 127 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông Trần Hoàng V đối với bà Ly F.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Trần Hoàng V và bà Ly F.

Quan hệ hôn nhân chấm dứt và Giấy chứng nhận kết hôn số 102/2019 do Ủy ban nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai cấp theo đăng ký ngày 15 tháng 3 năm 2019 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

2.Về án phí: Ông Trần Hoàng V phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân và Gia gia đình sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000502 ngày 03/11/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai. Ông Trần Hoàng V đã nộp đủ án phí.

3. Ông Trần Hoàng V được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày và bà Ly F được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Cục THA dân sự tỉnh Đồng Nai;
- Ủy ban nhân dân TP. Biên Hòa;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Trung Hưng